

TÁC ĐỘNG CỦA CHIẾN THẮNG ĐIỆN BIÊN PHỦ ĐỐI VỚI CHIẾN LƯỢC QUÂN SỰ CỦA MỸ

Trần Thị Hằng¹

TÓM TẮT

Ngày 7.5.1954, chiến dịch Điện Biên Phủ kết thúc thắng lợi, hiệp định Geneve được kí kết, khép lại 9 năm chống thực dân Pháp oanh liệt của dân tộc Việt Nam. Có thể nói, chiến thắng Điện Biên Phủ không chỉ tạo nên bước ngoặt trong phong trào giải phóng dân tộc, đưa chủ nghĩa xã hội vào sân sau của chủ nghĩa đế quốc, mà còn là tác nhân buộc các nhà lãnh đạo phương Tây, trước hết là Mỹ phải điều chỉnh, bổ sung chiến lược quân sự của mình. Trong khuôn khổ bài viết, tác giả đề cập đến sự đánh giá của Mỹ về tầm quan trọng của Việt Nam đối với Mỹ, tác động của chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đối với chiến lược quân sự của Mỹ cũng như Việt Nam trong chiến lược quân sự mới của Mỹ.

Từ khóa: Chiến lược, Điện Biên Phủ, quân sự, Hoa Kỳ, Việt Nam.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khi xây dựng Điện Biên Phủ thành cứ điểm mạnh nhất Đông Dương gần 65 năm trước, cả Pháp và Mỹ tin chắc lòng chảo này sẽ nghiền nát Việt Minh. Nhưng quân đội Việt Minh, từ thế yếu đánh thế mạnh đã làm nên chiến thắng Điện Biên Phủ lừng lẫy năm châu, chấn động địa cầu. Điện Biên Phủ không chỉ là tác nhân buộc chính quyền Mỹ phải điều chỉnh chiến lược quân sự mà còn là một đòn giáng mạnh vào mưu toan xây dựng không gian chiến lược của Mỹ. Bởi, một nửa nước Việt Nam gia nhập hệ thống xã hội chủ nghĩa buộc Mỹ và các nước phương Tây phải nghĩ ngay đến việc triển khai tại Đông Nam Á “vành đai chiến lược” nhằm ngăn chặn chủ nghĩa Cộng sản từ Việt Nam có thể lan ra.

2. NỘI DUNG

2.1. Việt Nam và Đông Dương đối với Mỹ

Đối với những nhà chiến lược Mỹ và phương Tây, Đông Dương mà trong đó đặc biệt là Việt Nam có một vị trí đặc biệt quan trọng đối với việc bảo vệ Đông Nam Á. Giới quân sự Mỹ cho rằng: “Nếu Đông Nam Á là ổ khóa để mở cửa lục địa châu Á thì Đông Dương là chìa khóa” [3; tr.24]. Các nhà chiến lược Mỹ nhận định: “Nếu để Đông Dương lọt vào tay cộng sản tất sẽ nguy hiểm đến an ninh của nước Mỹ” [4; tr.240].

¹ Giảng viên Học viện Hành chính khu vực III, Đà Nẵng

Tổng thống Mỹ Eisenhower còn khẳng định: *“Việc thất thủ Đông Dương sẽ dẫn đến chỗ mất toàn bộ Đông Nam Á với những hậu quả chính trị, kinh tế và chiến lược bất lợi đối với Mỹ”* [6; tr.737]. Do đó, Mỹ phải có *“trách nhiệm chống cộng sản ở Đông Dương vì nếu cộng sản thắng thì Đông Nam Á sẽ thoát khỏi vòng thế lực của Mỹ”* [4; tr.240]. Thế nên, mục tiêu của chính phủ Mỹ là tiếp tục bảo đảm cho Pháp rằng Mỹ coi cố gắng quân sự của Pháp ở Đông Dương có tầm quan trọng chiến lược cho lợi ích chung của cộng đồng quốc tế chứ không phải chỉ là phục vụ lợi ích riêng của nước Pháp và đó là điều chủ yếu đối với an ninh của thế giới tự do không những ở Viễn Đông mà còn ở Trung Đông. Trong diễn văn đọc tại Câu lạc bộ Báo chí hải ngoại, Foster Dulles đã tìm cách chuẩn bị trước dư luận Mỹ một cuộc can thiệp trực tiếp ở Đông Dương: *“Việc mở rộng xuống vùng Đông Nam Á, cho dù bằng cách nào đi nữa, của hệ thống chính trị nước Nga Cộng sản và Trung Hoa đồng minh của họ, là một mối nguy hiểm nghiêm trọng đe dọa toàn bộ cộng đồng tự do. Hoa Kỳ cho rằng không thể chấp nhận một cách bị động khả năng của một sự bành trướng như thế, mà điều chúng ta phải làm là đương đầu với nó bằng một hành động thống nhất. Điều này có thể hàm chứa những nguy cơ nghiêm trọng, nhưng dù sao những nguy cơ đó sẽ vẫn ít nghiêm trọng hơn nhiều so với những gì mà chúng ta phải đối mặt trong vòng vài ba năm nữa nếu chúng ta không tỏ ra kiên quyết ngay từ hôm nay”* [5; tr.40]. Đồng thời, trong thông điệp gửi Quốc hội ngày 5.5.1953, Tổng thống Mỹ Eisenhower nhấn mạnh cần thiết phải tăng cường viện trợ của Mỹ cho nước Pháp ở Đông Dương *“vì lợi ích của chính nước Mỹ”* [1; tr.45]. Vì vậy, Mỹ ngày càng can thiệp sâu vào Đông Dương, hỗ trợ cho Pháp ngày càng nhiều vũ khí, đạn dược và các trang thiết bị hiện đại nhất. Chính vì vậy, sau những thất bại ở Hòa Bình, Tây Bắc và Thượng Lào, trước nguy cơ thất bại ở Đông Dương, với sự giúp đỡ của Mỹ, Pháp đã vạch ra *“Kế hoạch Nava”* với hy vọng sẽ chuyển bại thành thắng, giành lại quyền chủ động trên chiến trường Đông Dương. Tuy nhiên, kế hoạch hoàn hảo đó không thể giúp Pháp giành thắng lợi, Điện Biên Phủ đã trở thành mồ chôn dã tâm xâm lược của thực dân Pháp và can thiệp Mỹ.

2.2. Tác động của chiến thắng Điện Biên Phủ đối với chiến lược quân sự của Mỹ

Có thể thấy rằng, vào những năm 50 của thế kỉ XX, nước Mỹ lúc này tuy đã mất độc quyền về vũ khí hạt nhân song vẫn là nước dẫn đầu về số lượng và chất lượng các đầu đạn, bom hạt nhân. Đồng thời, thời kì này Mỹ có không quân chiến lược mạnh nhất thế giới gồm những máy bay ném bom chiến lược B29 và một số *“siêu pháo đài bay”* B52 đầu tiên mang theo bom hạt nhân. Đây chính là công cụ để Mỹ thực hiện chiến lược *“trả đũa ào ạt”* nhằm ngăn chặn, tiến tới tiêu diệt chủ nghĩa cộng sản trên thế giới. Lúc này, giới quân sự Mỹ thuộc lòng các thuyết *“một nguồn gốc đe dọa quyền lợi Mỹ: Liên Xô và chủ nghĩa cộng sản”*, *“một cuộc chiến tranh*

lớn để bảo đảm quyền sen đầm quốc tế của Mỹ: chiến tranh hạt nhân”, “một vũ khí tuyệt đối của Mỹ: vũ khí hạt nhân”, “một cách đánh khủng khiếp quyết định của Mỹ: cách đánh ô ạt” [7; tr.76]. Chính vì vậy, trước khi xuất hiện những dấu hiệu cho thấy các đơn vị quân đội viễn chinh Pháp tại Điện Biên Phủ có thể bị tiêu diệt, giới quân sự Mỹ vẫn xem thường phong trào giải phóng dân tộc ở Á, Phi, Mỹ Latinh và cho đây là nhiệm vụ của các đồng minh đàn em của Mỹ. Còn đối thủ tác chiến của Mỹ lúc này là hai nước Cộng sản lớn là Liên Xô và Trung Quốc.

Song, điều giới quân sự Mỹ không bao giờ ngờ tới đã xảy ra: Pháp thất bại, đầu hàng tại Điện Biên Phủ. Lẽ dĩ nhiên, thất bại của Pháp cũng là thất bại của Mỹ, kẻ đỡ đầu cho chủ nghĩa thực dân Pháp. Lúc này, giới quân sự Mỹ cay đắng nhận ra rằng họ đã quá xem thường phong trào giải phóng dân tộc. Bởi, chiến lược “ngăn chặn - kiềm chế” của Truman và “*Trả đũa ào ạt*” của Aixenhao nhằm mục đích tiêu diệt “đầu não” của chủ nghĩa cộng sản là Liên Xô và Trung Quốc thì đòn sấm sét giáng vào “niềm tự hào” Mỹ lại xuất phát từ phong trào giải phóng dân tộc tại một nước thuộc địa nhỏ bé, do một đảng cộng sản lãnh đạo với một đội quân trang bị thô sơ được xây dựng từ chiến tranh nhân dân. Trong khi Mỹ đang ra sức ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản ở châu Âu thì ở châu Á, một nước xã hội chủ nghĩa lại ra đời từ phong trào giải phóng dân tộc.

Có thể thấy, các nhà chiến lược Mỹ đã quá chú trọng đến việc phát triển hai lực lượng hải quân và không quân hơn là xây dựng lục quân và các loại vũ khí thông thường. Do đó, khi giới cầm quyền Mỹ không thể sử dụng được những con át chủ bài của mình và nhận thấy rằng con bài thích hợp là lực lượng cứu hỏa, sử dụng trong trường hợp khẩn cấp thì lại chưa được chuẩn bị sẵn sàng. Rõ ràng, trong lý luận cũng như kế hoạch chiến lược quân sự Mỹ đã có một kẽ hở xung yếu. Và Điện Biên Phủ đã như một mũi dao lách vào và khoét sâu kẽ hở đó.

Vì vậy, sau Điện Biên Phủ, Mỹ đã phải nhìn lại chiến lược quân sự và chiến lược toàn cầu của mình. Nếu như trước đây Mỹ chỉ chú trọng phát triển bộ ba vũ khí hạt nhân chiến lược và quan tâm đến hai quân chủng Hải quân và Không quân thì giờ đây, vẫn tiếp tục chạy đua với các loại vũ khí hạng nặng, trong khi vẫn phải kiềm chế Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa, các nhà hoạch định chiến lược Mỹ đã phải quan tâm nhiều hơn đến lực lượng lục quân cũng như những trang bị của nó. Đặc biệt, khu vực Á, Phi, Mỹ Latinh không còn là sự bỏ ngõ, sự lơ là trong kế hoạch toàn cầu của Mỹ nữa. Chiến lược, chiến thuật, lực lượng và các loại vũ khí thích hợp để đối phó với “*cuộc chiến tranh nhỏ*”, “*đối thủ nhỏ*” được tăng cường xây dựng và phát triển. Đường lối chính trị “*chặn đứng chủ nghĩa cộng sản*” cùng với chiến lược quân sự toàn cầu “*trả đũa ào ạt*” của Eisenhower đã bị Điện Biên Phủ đẩy vào quá khứ. Điện Biên Phủ đã làm cho giới hoạch định chiến lược nhận ra một sự thật cay đắng rằng, mối nguy cơ đe dọa trực tiếp, trước mắt đến sự sống còn, danh dự và lợi ích của nước Mỹ,

chưa đến từ Liên Xô, Trung Quốc, từ chiến tranh hạt nhân mà đến từ phong trào giải phóng dân tộc ở các quốc gia “*nhược tiểu*” ở Á, Phi, Mỹ Latinh mà trước đây họ vẫn xem thường. Chính vì vậy, sau khi đắc cử Tổng thống Mỹ, John Kennedy bổ sung thêm “*chiến lược hòa bình*” bên cạnh chiến lược toàn cầu “*ngăn chặn*”, thực hiện chính sách hai mặt “*cái gậy và củ cà rốt*” đối với Liên Xô và chĩa mũi nhọn vào phong trào giải phóng dân tộc. Về quân sự, Mỹ chuyển sang chiến lược “*phản ứng linh hoạt*”, chủ trương dùng vũ khí hạt nhân làm cái “*mộc che đờ*” [2; tr.35] và dùng vũ khí thông thường làm “*lưỡi kiếm*” tiến công vào phong trào giải phóng dân tộc. Cơ sở lý luận của chiến lược quân sự mới này do tướng Taylor - Chủ tịch tham mưu Trường Liên quân đưa ra trong cuốn sách *Tiếng kèn ngập ngừng* (1959). Chiến lược mới này nhấn mạnh: răn đe hạt nhân và sử dụng lực lượng thông thường “*đa dạng*” để phản ứng bất kì ở đâu và bất kì lúc nào, bằng mọi vũ khí và lực lượng thích hợp. Chiến lược *phản ứng linh hoạt* về sau được nhà lý luận quân sự Cohen (1965) cụ thể hóa thành chiến lược *leo thang từng bước*, trong đó chia chiến tranh thành 4 giai đoạn, 44 nấc thang và 6 cửa, từ giai đoạn khủng hoảng đến chiến tranh hạt nhân tổng lực, nhằm giúp cho các nhà lãnh đạo chính trị cân nhắc để kiểm soát khủng hoảng, kiểm soát chiến tranh, không để bị động trong chiến tranh. Về học thuyết tác chiến hạt nhân, Mỹ bổ sung thêm khái niệm “*Chắc chắn cùng bị hủy diệt*” (Mutual assured destruction), có nghĩa là nếu bị đối phương đánh đòn hạt nhân bất ngờ trước vào nước Mỹ, lực lượng hạt nhân còn lại của Mỹ đảm bảo hủy diệt được đối phương. Để thực hiện chiến lược “*phản ứng linh hoạt*” một mặt John Kennedy ra lệnh ồ ạt xây dựng lực lượng hạt nhân và tên lửa tầm xa để tạo nên một khả năng ngăn đe thực sự đối với sức mạnh hạt nhân của Liên Xô, mặt khác vị tân Tổng thống này cũng ra lệnh phát triển và hiện đại hóa các lực lượng quân sự Mỹ để có thể phản ứng linh hoạt trước nhiều loại hình và mức độ tấn công mà Kennedy và các cộng sự của ông ta biết rằng “*các nước đang nổi dậy*” sẽ là trận địa chính, trong đó lực lượng quân sự Mỹ sẽ đo sức với các lực lượng vũ trang của các phong trào giải phóng dân tộc của các nước. Chính quyền Kennedy đã chú ý nhiều đến việc phát triển khả năng phản ứng có hiệu quả với chiến tranh du kích. Và luận thuyết “*hai cuộc chiến tranh rưỡi*”² xác định rõ đối tượng chiến tranh của Mỹ lúc này chính thức nằm trong kho tàng lý luận chiến tranh của Mỹ. Và Điện Biên Phủ cũng làm cho Mỹ nhận thấy rằng, chủ nghĩa thực dân cũ đã trở nên lạc hậu. Vì vậy, Mỹ đã đưa ra chủ nghĩa thực dân mới, trọng điểm áp dụng mà Mỹ lựa chọn chính là Việt Nam, đất nước có Điện Biên Phủ, đất nước đã chôn vùi chủ nghĩa thực dân cũ.

Không quá chủ quan để khẳng định rằng, Điện Biên Phủ không chỉ là tác nhân buộc chính quyền Mỹ phải điều chỉnh chiến lược quân sự mà còn là một đòn giáng mạnh

² Là một cuộc chiến tranh lớn ở châu Âu, một cuộc chiến tranh lớn ở Đông Bắc Á và nửa cuộc chiến tranh chống phong trào giải phóng dân tộc.

vào mưu toan xây dựng không gian chiến lược của họ. Rõ ràng, những thập niên đầu sau chiến tranh thế giới thứ hai, chính phủ Hoa Kỳ ra sức xây dựng “*vành đai chiến lược*” với những hệ thống căn cứ quân sự liên hoàn tại nhiều khu vực trên thế giới, đưa lực lượng quân sự Mỹ triển khai đến gần biên giới nhiều nước thuộc hệ thống xã hội chủ nghĩa, thực hiện chủ trương “*chặn đứng chủ nghĩa cộng sản*”. Lúc này, Mỹ chủ yếu xây dựng các vành đai hướng vào Liên Xô và một phần là vào Trung Quốc chứ không phải là khu vực Đông Nam Á và các nước Á - Phi. Nhưng Điện Biên Phủ thất thủ, một nửa nước Việt Nam gia nhập hệ thống xã hội chủ nghĩa buộc Mỹ và các nước phương Tây phải nghĩ ngay đến việc triển khai tại Đông Nam Á “*vành đai chiến lược*” để ngăn chặn chủ nghĩa cộng sản từ Việt Nam có thể lan ra. Vì vậy, khối quân sự SEATO đã ra đời trong nỗ lực “*ngăn chặn*” chủ nghĩa cộng sản của Mỹ. Không dừng lại ở đó, ngay tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương, Mỹ đã lần lượt ký kết với Philippin, Nam Triều Tiên, Nhật Bản, Đài Loan những hiệp định liên minh song phương. Như vậy, từ Đông Bắc Á vòng sang Đông Nam Á, các liên minh quân sự đã được dựng lên nhằm ngăn chặn ảnh hưởng của làn sóng đấu tranh giải phóng dân tộc ngày càng lan rộng sau chiến thắng Điện Biên Phủ. Tuy nhiên, hy vọng của Mỹ hoàn toàn đổ vỡ khi họ phải đón nhận những thất bại cay đắng tại Việt Nam và buộc phải rút quân về nước.

2.3. Việt Nam trong chiến lược quân sự mới của Mỹ

Chiến thắng lịch sử Điện Biên Phủ đã kết thúc cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và can thiệp Mỹ của nhân dân Việt Nam. Ngày 21-7-1954, Hiệp định Genève về chấm dứt chiến tranh và lập lại hòa bình ở Đông Dương được ký kết. Ngay sau Hội nghị Geneve, Quốc vụ khanh Mỹ John Foster Dulles tuyên bố: “*Điều quan trọng đối với Thế giới tự do là không được để miền Bắc Việt Nam dẫn đến chủ nghĩa cộng sản bành trướng ra toàn thể khu vực Đông Nam Á*” [1; tr.101]. Đồng thời, trong diễn văn đọc tại Trường Đại học Gettysburg, Tổng thống Eisenhower cho rằng: “*Về mặt chiến lược, việc mất Nam Việt Nam cho cộng sản sẽ đưa sự kiểm soát của họ tiến thêm hàng trăm km trong một vùng cho tới nay còn tự do. Các nước khác ở Đông Nam Á sẽ bị đe dọa tấn công từ mạn sườn. 12 triệu dân ở Nam Việt Nam sẽ bị mất tự do ngay tức khắc và 150 triệu người khác ở các nước kế bên cũng sẽ có nguy cơ nghiêm trọng. Việc để mất Nam Việt Nam sẽ mở ra một quá trình sụp đổ, nếu tiếp tục phát triển lên có thể dẫn tới hậu quả nghiêm trọng cho chúng ta và cho tự do*” [1; tr.103-104]. Hội đồng An ninh quốc gia Mỹ xác định “*việc phòng thủ Bắc Kỳ là tuyệt đối cần thiết giữ Đông Nam Á ở trong tay không cộng sản*”. Chính vì thế, ngay sau khi bản Hiệp định Geneve chưa kịp ráo mực, Mỹ đã nhanh chóng nhảy vào Đông Dương, hắt cẳng Pháp giành lấy địa vị trực tiếp chỉ đạo cuộc chiến tranh ở Việt Nam và Đông Dương, nhằm ngăn chặn “*làn thủy triều đỏ của chủ nghĩa cộng sản*” lan tràn xuống Đông Nam Á. Các nhà

nghiên cứu chiến lược Mỹ đã khẳng định rằng, Việt Nam sẽ là nơi Mỹ thí nghiệm chiến lược “*phản ứng linh hoạt*”, đồng thời thử nghiệm quyết tâm của Mỹ cho học thuyết về chiến tranh chống nổi dậy ở các nước trong phong trào giải phóng dân tộc, thử nghiệm các loại vũ khí mới của Mỹ. Giống như hai bậc tiền nhiệm - Truman và Eisenhower, Kennedy và các cộng sự của ông đánh giá Việt Nam có tầm quan trọng sinh tử đối với lợi ích toàn cầu của Mỹ, Kennedy coi Việt Nam là “*viên đá tảng của thế giới tự do ở Đông Nam Á*”. Kennedy cực kỳ nhạy cảm với tổn thất chính trị do việc để miền Bắc “*roi vào tay chủ nghĩa cộng sản*”, do vậy Kennedy quyết không để miền Nam Việt Nam theo con đường của miền Bắc.

Để thực hiện âm mưu chia cắt lâu dài đất nước ta, biến miền Nam Việt Nam thành thuộc địa kiểu mới và căn cứ quân sự, Mỹ đã hợp thức hóa chính quyền Ngô Đình Diệm đã được thành lập vào ngày 7-7-1954, đồng thời ra sức phá hoại Hiệp định Geneve. Thực hiện chủ trương của Mỹ, chính quyền Ngô Đình Diệm đã thi hành những chính sách cực kỳ phản động, như từ chối hiệp thương tổng tuyển cử, từ chối việc tái lập quan hệ bình thường giữa hai miền Nam - Bắc, tổ chức tuyển cử riêng rẽ (23-10-1955), bầu cử Quốc hội lập hiến (4-3-1956), ban hành Hiến pháp (26-10-1956), lập đảng Cần Lao nhân vị, Phong trào Cách mạng quốc gia, Thanh niên cộng hòa. Dưới chiêu bài “*chống Cộng*”, coi “*chống Cộng là quốc sách*”, chính quyền Ngô Đình Diệm đã kiện toàn bộ máy đàn áp, ban hành các luật lệ phát xít. Thực hiện chủ trương “*giết lầm hơn bỏ sót*”, chúng huy động mọi lực lượng quân sự, an ninh, tâm lý chiến mở nhiều cuộc hành quân càn quét quy mô lớn dài ngày như Chiến dịch Thoại Ngọc Hầu kéo dài 9 tháng (từ tháng 5-1956 đến tháng 2-1957) ở 18 tỉnh miền Tây Nam Bộ. Chúng ban hành luật 10/59 đặt cộng sản ra ngoài vòng pháp luật hòng dìm cách mạng miền Nam trong biển máu.

Cùng với việc thiết lập nên chính quyền tay sai Ngô Đình Diệm, chính phủ Hoa Kỳ nhanh chóng bắt tay vào việc thiết lập một hệ thống quân sự của phương Tây trong khu vực Đông Nam Á. Vì vậy, ngay từ ngày 06.09.1954, tại Manila đã tổ chức hội nghị bàn về Hiệp ước quân sự Đông Nam Á, được gọi là SEATO. Trong đó, Điều 4 của hiệp ước này ghi rõ: “*Trong trường hợp xảy ra cuộc xâm lược hay tấn công vũ trang chống lại những bên hay những vùng được chỉ rõ trong hiệp ước, thì các bên ký kết sẽ hành động*”, một Nghị định thư kèm theo nói rõ thêm rằng: “*Hoa Kỳ, thành viên của hiệp ước này, thừa nhận rằng Lào, Campuchia, Nam Việt Nam sẽ được hưởng những điều lợi được đề ra trong điều 4*”. Rõ ràng, điều này đã đi ngược lại Hiệp định Geneve: “*Hai bên ký kết sẽ chú ý giữ gìn để các khu vực được giao cho mình không tham gia bất cứ một liên minh quân sự nào*”. Bên cạnh đó, chính phủ Hoa Kỳ đã ráo riết thiết lập những cơ quan quân sự, kinh tế, hành chính của mình ở Nam Việt Nam, bất chấp các điều khoản của Hiệp định Geneve. Ngay từ 21.7.1954, Eisenhower tuyên

bỏ rằng Hoa Kỳ không hề bị ràng buộc bởi các hiệp định này. Phái đoàn cố vấn quân sự MAAG (Military Assistance Advisory Group), đáng lẽ phải rút về nước, lại được tăng cường. Tướng khách, tướng lĩnh, giáo chủ Hoa Kỳ qua lại như mắc cửi giữa Washington và Sài Gòn. Các tổ chức công giáo của Hoa Kỳ, dưới bàn tay thúc đẩy mạnh mẽ của hồng y giáo chủ Spellman, đến để khởi động lại các tổ chức công giáo Việt Nam. Tướng O'Daniel chỉ huy phái đoàn MAAG, Tướng Collins thì ngày 04.11.1954 được chỉ định làm đại diện đặc biệt của Eisenhower bên cạnh Ngô Đình Diệm với hàm đại sứ. Đó chính là những ông chủ thật sự của Nam Việt Nam. Tướng Collins đã từng chỉ huy ở Triều Tiên, về việc bổ nhiệm ông ta ở Sài Gòn, báo New York Herald Tribune bình luận: *“Việc bổ nhiệm Tướng Collins là dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy tầm quan trọng của đất nước này đối với Washington, cũng như nỗi lo lắng mà đất nước này gây ra cho Hoa Kỳ”* [5; tr.45].

Tuy nhiên, với sự lãnh đạo tài tình và sáng suốt của Đảng, nhân dân miền nam đã đẩy các chính quyền tay sai của Mỹ vào cuộc khủng hoảng triền miên, làm phá sản lần lượt các chiến lược *“chiến tranh đặc biệt”*, *“chiến tranh cục bộ”*, *“Việt Nam hóa chiến tranh”* của Mỹ. Bốn chiến lược, 5 đời tổng thống Mỹ dính líu trực tiếp đến cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam nhưng rốt cuộc, Mỹ cũng buộc phải ký Hiệp định Paris, rút quân về nước, kết thúc cuộc chiến tranh xâm lược phi nghĩa tại Việt Nam.

3. KẾT LUẬN

Điện Biên Phủ không chỉ là một đòn sấm sét giáng vào chủ nghĩa thực dân Pháp, buộc Pháp phải thừa nhận sự thất bại của mình ở Việt Nam và Đông Dương, mở đầu cho sự tan rã của chủ nghĩa thực dân cũ trên phạm vi toàn thế giới, cổ vũ mạnh mẽ phong trào giải phóng dân tộc; làm choáng váng và gây ra những xáo động trong hàng ngũ đế quốc, Điện Biên Phủ còn là nhân tố tác động trực tiếp đến sự điều chỉnh chiến lược quân sự của các nước đế quốc, mà trước hết là chiến lược quân sự của Mỹ.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Phú Đức (2009), *Tại sao Mỹ thua ở Việt Nam*, Nxb. Lao động, Hà Nội.
- [2] Trần Bá Khoa (2000), *Tìm hiểu những thay đổi lớn trong chiến lược quân sự của Mỹ*, Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội.
- [3] Trần Nhâm (1978), *Nghệ thuật biết thắng từng bước*, Nxb. Khoa học Xã hội, Hà Nội.
- [4] Đỗ Thiện, Đinh Kim Khánh (1974), *Tiếng sấm Điện Biên Phủ*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Khắc Viện (2008), *Miền Nam Việt Nam từ sau Điện Biên Phủ*, Nxb. Tri thức, Hà Nội.

- [6] Viện Lịch sử quân sự (2004), *Chiến thắng Điện Biên Phủ mốc vàng lịch sử chân lý thời đại*, Nxb. Quân đội Nhân dân, Hà Nội.
- [7] Nhuận vũ (1984), *Dấu ấn Điện Biên Phủ trên chiến lược quân sự Mỹ*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, số 1-1984.
- [8] Pi-tơ A. Pu-lơ (1987), *Nước Mỹ và Đông Dương từ Ru - đơ - ven đến Ních - xon*, Nxb. Thông tin Lý luận, Hà Nội.

IMPACTS OF DIEN BIEN PHU VICTORY TO THE US' MILITARY STRATEGY

Tran Thi Hang

ABSTRACT

On 7.5.1954, the Dien Bien Phu campaign ended successfully, leading to the signing of Geneva agreement ending 9 years we gloriously fought against France's domination. It can be said that, the Dien Bien Phu victory not only created a turning point in the movement for national liberation and push socialism into the backyard of imperialism, but also forced the leaders of the West, especially the US to adjust and supplement their military strategies. In this article, the author refers to the US' evaluation of the importance of Vietnam, the impact of the great victory of Dien Bien Phu on both the US and Vietnam's military strategies in the US' new military strategies.

Keywords: Strategy, Dien Bien Phu, military, US, Vietnam.